TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIÊN LÃNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 08 - 11 - 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Chỉnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến.

Ông Nguyễn Đình Bảng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2019/TLST - HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33a/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 07/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/10/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị T, sinh năm 19XX; ĐKNKTT: Thôn L, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: Thôn R xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Phạm Văn G, sinh năm 19XX; địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị T và anh Phạm Văn G tự nguyện xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 02/3/2012.

Quá trình chung sống: Sau khi kết hôn, vợ chồng hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có tính cách, lối sống không

hợp nhau, mặt khác chị T lại nghi nghờ anh G có quan hệ với người phụ nữ khác nên vợ chồng thường xuyên xung đột với nhau. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên từ tháng 10 năm 2017 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị T xác nhận: Tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn G.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Thanh To, sinh ngày 05/12/2012 và Phạm Thế A, sinh ngày 30/6/2015, hiện tại các con chung đều ở với bố. Ly hôn, chị T nhận nuôi cháu Thế A, giao cháu T cho anh G nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án hợp lệ, đồng thời triệu tập, ra thông báo yêu cầu anh Phạm Văn G có mặt tại tòa án và có ý kiến về việc chị T có yêu cầu ly hôn, nhưng anh G đều không thực hiện.

Tiến hành xác minh tại địa phương và, kết quả cho thấy: Chị T và anh G tự nguyện kết hôn với nhau năm 2012 có đăng ký kết hôn theo luật định, đến nay vợ chồng có 02 con chung. Quá trình chung sống: Hai bên chung sống hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, mặt khác chị T lại nghi nghờ anh G có quan hệ với người phụ nữ khác. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng nên từ năm 2017 chị T đã về nhà bố mẹ đẻ ở, từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi. Gia đình anh G cho biết hiện tại anh G đang làm công việc xa nhà, thỉnh thoảng mới về nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Nay chị T có yêu cầu ly hôn thì anh G đồng ý, nhưng không đồng ý giao con cho chị T nuôi. Gia đình anh G cũng đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh G và đề nghị Tòa án giao cả 02 con chung cho anh G nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh Phạm Văn G và nhận nuôi con chung Phạm Thế A, sinh ngày 30/6/2015; giao con chung Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/12/2012 cho anh G nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng theo quy định của pháp luật, từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự và các tài liệu Tòa án thu thập đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn G.

Về con chung: Căn cứ vào các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của nguyên đơn, xử giao con chung Phạm Thế A, sinh ngày 30/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi; giao con chung Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/12/2012 cho anh G trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn G; địa chỉ: Thôn Lật Dương, xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Về thủ tục tố tụng tại Tòa: Bị đơn là anh Phạm Văn G đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Phạm Thị T và anh Phạm Văn G tuân thủ đúng quy định tại Điều 8; Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh G đã trầm trọng, hai bên đã có thời gian dài sống ly thân cho thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nay chị T có yêu cầu được ly hôn với anh G. Căn cứ vào các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn G.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/12/2012 và Phạm Thế A, sinh ngày 30/6/2015. Ly hôn, chị T nhận nuôi cháu Thế A, giao cháu T cho anh G nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Xét, chị T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, việc chị T yêu cầu được nuôi cháu Thế A là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh chăm sóc nuôi dạy con, đồng thời đảm bảo được quyền lợi của các bên cũng như các quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về con chung của chị T.

[5] Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét cử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị Phạm Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 và khoản 2 Điều 227, 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Phạm Văn G.

- Về con chung: Giao con chung Phạm Thế A, sinh ngày 30/6/2015 cho chị T trực tiếp nuôi; giao con chung Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/12/2012 cho anh G trực tiếp nuôi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về án phí: chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền này chị T đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011533 ngày 26 tháng 6 năm 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Phạm Văn G có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

- Về quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng;
- Các đương sự;
- UBND xã Quang Phục, huyện Tiên Lãng;
- Lưu: HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Chỉnh